

## **Kinh tế vĩ mô tháng 10 năm 2023: Những điểm nổi bật**

### **Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế**

- Các nền kinh tế đầu tàu vừa đón nhận các kết quả kinh tế vĩ mô của quý III với nhiều kết quả tốt hơn kỳ vọng, tuy nhiên các diễn biến kinh tế trong tháng 10 vẫn còn ảm đạm, ngoại trừ kinh tế Mỹ;
- Giá cả hàng hóa thế giới có xu hướng giảm, trong đó chỉ số giá bình quân nhóm hàng năng lượng giảm 1,8% và phi năng lượng giảm 2%;
- Trên thị trường ngoại hối, đồng USD tiếp tục tăng giá tháng thứ ba liên tiếp và giá vàng có tháng tăng mạnh thứ 2 kể từ đầu năm;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu tiếp tục giảm tháng thứ 3 liên tiếp, chỉ số MSCI ACWI giảm 3,07% xuống 636,66.

### **Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước**

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp - IIP tháng 10/2023 ước tăng 5,5% so với tháng trước và tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số PMI ngành sản xuất tiếp tục thu hẹp, đạt 49,6 điểm;
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 10 ước tính đạt 65,7 nghìn tỷ đồng, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm trước; Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện ước tính đạt 18 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 10 ước đạt 536,3 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 7% so với cùng kỳ năm trước;
- Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa theo tháng tiếp tục tăng so với tháng trước. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 32,31 tỷ USD, tăng 5,3% và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 29,31 tỷ USD, tăng 2,9%; Cán cân thương mại ước tính xuất siêu 3 tỷ USD trong tháng 10;
- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10/2023 tăng 0,08% so với tháng trước, tăng 3,59% so với cùng kỳ năm trước, CPI bình quân 10 tháng tăng 3,2% so với bình quân cùng kỳ năm trước;
- Lãi suất huy động tiếp tục giảm trong toàn hệ thống, tỷ giá giao dịch tại ngân hàng và thị trường tự do duy trì xu hướng tăng;
- Thị trường chứng khoán Việt Nam có tháng giảm điểm thứ 2 liên tiếp; Kết thúc tháng 10, chỉ số VN-Index đạt 1.075,47 điểm, giảm 10,91% so với tháng trước.

# KINH TẾ THẾ GIỚI

## 1. Kinh tế thế giới

*Kinh tế Mỹ đón nhận những tín hiệu kinh tế tích cực*

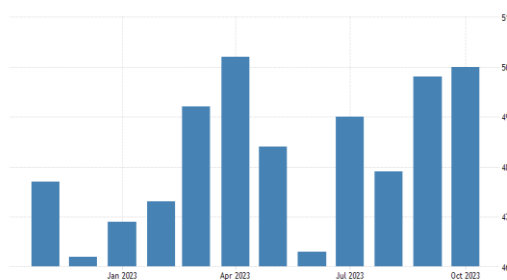
Nước Mỹ đã tăng trưởng tích cực trong quý III/2023, GDP duy trì đà tăng qua các quý, ước tính tăng 2,9% so với quý trước, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước – mức tăng cao nhất kể từ năm 2021. Kinh tế Mỹ đã khẳng định được đà phục hồi với sự đóng góp mạnh mẽ của hoạt động tiêu dùng.

Trong tháng đầu tiên của quý IV/2023, kinh tế Mỹ lại đón nhận thêm những tín hiệu ổn định của khu vực sản xuất. Chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất đã cán ngưỡng 50 điểm sau 06 tháng thu hẹp – diễn biến tốt hơn kỳ vọng của thị trường. Các kết quả tích cực hơn đã xuất hiện trên hoạt động mua hàng, tồn kho thành phẩm,... Bên cạnh đó, các hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tiếp tục được cải thiện, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đạt 50,9 điểm từ mức 50,1 điểm của tháng trước – cao nhất trong vòng 3 tháng.

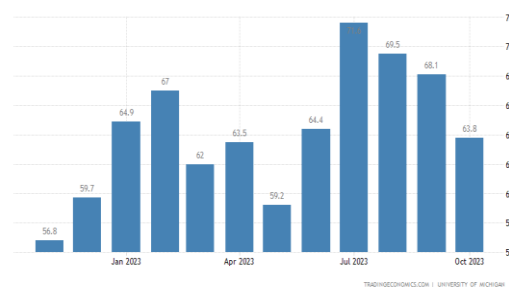
Bên cạnh đó, doanh thu bán lẻ theo số liệu mới nhất tiếp tục tăng so với tháng trước, duy trì đà tăng liên tiếp kể từ tháng 4, tốc độ tăng so với tháng trước hiện là 0,7% - cao hơn so với kỳ vọng của thị trường ở mức 0,3%. Trong đó, nổi bật là tốc độ tăng doanh thu của các cửa hàng bán lẻ là 3%. Tuy nhiên trong bối cảnh bất ổn chung của toàn cầu và những vấn đề nội tại của nước Mỹ, niềm tin người tiêu dùng đã giảm từ mức 68,1 điểm của tháng trước xuống còn 63,8 điểm trong tháng 10.

Lạm phát tháng 10 đã giảm xuống 3,2% từ mức 3,7% của tháng 9 – diễn biến tốt hơn kỳ vọng của thị trường, ở mức 3,3%. Tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ trong tháng 10 đã tăng lên thêm 0,1 điểm phần trăm, ở mức 3,9% – cao nhất kể từ tháng 1/2022 và cao hơn kỳ vọng của thị trường ở mức 3,8%.

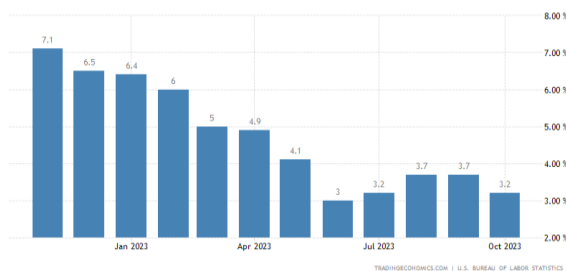
Chỉ số PMI sản xuất



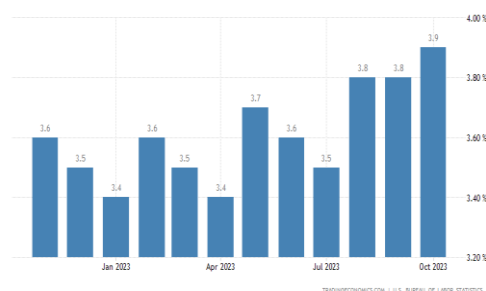
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economicsics

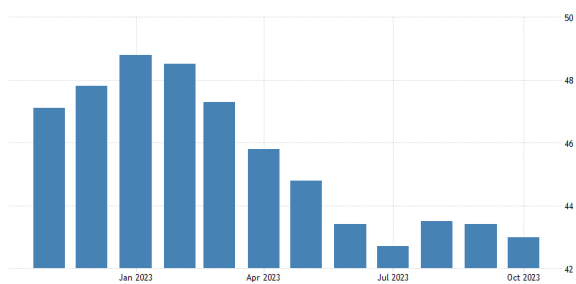
Khu vực Châu Âu đã trải qua 03 tháng kinh tế thu hẹp trong quý III, kinh tế đã có mức tăng trưởng âm 0,1% kể từ tháng 1/2022, diễn biến xấu đi đã xuất hiện ở nhiều nền kinh tế lớn, đáng chú ý là diễn biến giảm tại Đức, chững lại ở Ý trong khi GDP tăng nhẹ ở Pháp, Tây Ban Nha, giao động ừ 0,1 – 0,3%. Hiện tăng trưởng kinh tế của khu vực Châu Âu chỉ đạt 0,1% so với cùng kỳ - thấp hơn so với kỳ vọng của thị trường là 0,2%.

Bước sang quý IV/2023, diễn biến thu hẹp hơn tiếp tục diễn ra trong khu vực sản xuất và dịch vụ - diễn biến thấp hơn kỳ vọng của thị trường. Chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất đã giảm 0,4 điểm xuống 43 điểm – mức thu hẹp mạnh nhất trong vòng 3 tháng, ghi nhận diễn biến giảm mạnh của đơn đặt hàng mới và việc làm. Trong khi đó, chỉ số PMI trong lĩnh vực dịch vụ cũng giảm 0,9 điểm xuống 47,8 điểm – duy trì đà cải thiện yếu trong 03 tháng liên tiếp, đáng chú ý là hoạt động kinh doanh mới đã giảm mạnh nhất kể từ đầu năm 2021, hoạt động tuyển dụng trong lĩnh vực này gần như đình trệ.

Đồng thời, diễn biến xấu đi cũng diễn ra trong lĩnh vực tiêu dùng, doanh thu bán lẻ theo tháng mới nhất đã giảm mạnh so với tháng trước, ở mức âm 1,2% - kéo dài chuỗi thu hẹp kể từ tháng 9. Diễn biến giảm xuất hiện trên tất cả các ngành hàng với mức giảm giao động từ 0,9% – 4,5%. Trước tình hình đó, niềm tin người tiêu dùng trong khu vực đã giảm nhẹ từ mức -17,8 điểm của tháng trước xuống còn - 17,9 điểm trong tháng 10.

Điểm sáng duy nhất trong tháng 10 đó là diễn biến tích cực của lạm phát, lạm phát tổng thể so với cùng kỳ hiện ở mức 2,9% - thấp hơn mức dự báo là 3,1%. Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản ở mức 4,2% - mức thấp nhất kể từ tháng 7/2022. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp theo số liệu mới nhất đã tăng 0,1 điểm phần trăm ở mức 6,5%, phù hợp với dự báo của thị trường.

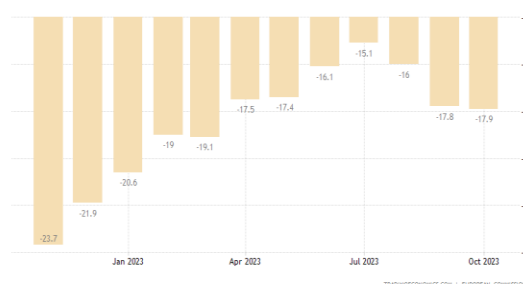
**Chỉ số PMI sản xuất**



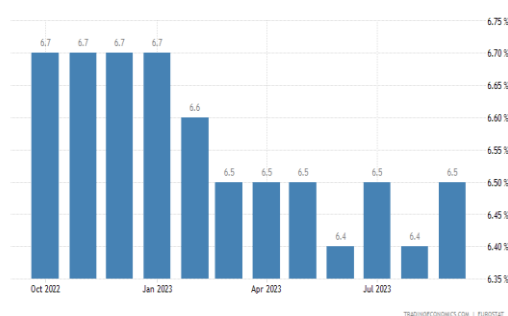
**Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)**



**Chỉ số niềm tin người tiêu dùng**



**Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)**



Nguồn: Trading economics

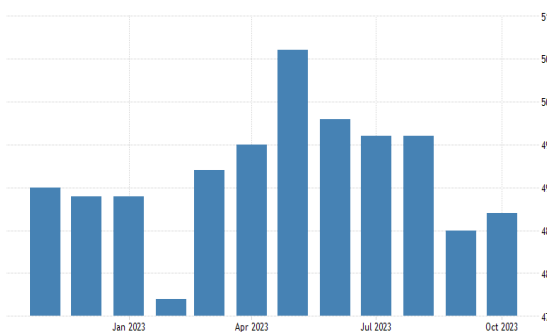
**Kinh tế Nhật Bản đã có diễn biến xấu đi so với tháng trước trong lĩnh vực dịch vụ, tiêu dùng**

Kinh tế Nhật Bản trong tháng 10 đã có diễn biến xấu đi so với tháng trước. Trong đó, khu vực sản xuất vẫn chưa có tín hiệu mở rộng, chỉ số PMI sản xuất tiếp tục nằm dưới ngưỡng 50 điểm, ở mức 48,7 điểm. Các câu phần chính cấu thành chỉ số PMI như sản lượng, đơn hàng, mua hàng, việc làm đều ở mức thấp. Trong khi đó, tốc độ mở rộng trong lĩnh vực dịch vụ đã giảm so với tháng trước, về mức thấp nhất kể từ cuối năm 2022, chỉ số PMI dịch vụ đã giảm 2,8 điểm so với tháng trước đạt 51,1 điểm, đáng chú ý là hoạt động kinh doanh mới đã có tháng giảm đầu tiên kể từ đầu năm.

Doanh số bán lẻ hàng hóa theo tháng mới nhất đã có diễn biến giảm trở lại sau 02 tháng tăng, doanh thu bán lẻ đã giảm 0,1% do với tháng trước. Mặc dù vậy, niềm tin kinh doanh và niềm tin người tiêu dùng vẫn được cải thiện, chỉ số niềm tin tiêu dùng tăng 0,2 điểm so với tháng trước ở mức 35,7 điểm.

Trong khi đó, hoạt động thương mại theo số liệu công bố mới nhất đã có diễn biến đảo chiều ấn tượng so với cùng kỳ năm 2022, cán cân thương mại đã thặng dư 62,44 tỷ JPY – vượt qua ước tính của thị trường về mức thiếu hụt 425 tỷ JPY. Đồng thời, đây là trạng thái thặng dư đầu tiên trong vòng 03 tháng nhờ hoạt động xuất khẩu tăng 4,3% so với cùng kỳ trong khi hoạt động nhập khẩu giảm 16,3% - ghi nhận xu hướng giảm trong 06 tháng liên tiếp.

**Chỉ số PMI sản xuất**



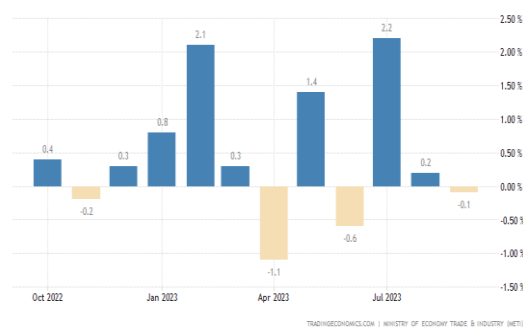
**Chỉ số niềm tin người tiêu dùng**



**Cán cân thương mại qua các tháng (so với cùng kỳ)**



**Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)**



*Nguồn: Trading economics*

**Kinh tế Trung Quốc chưa có điểm sáng đáng chú ý**

Kinh tế Trung Quốc mặc dù ghi nhận các diễn biến thiếu tích cực trong khu vực sản xuất và tiêu dùng trong quý III nhưng tăng trưởng kinh tế trong quý III vẫn tăng cao hơn so với quý trước, ở mức 1,3% so với quý trước - cao hơn so với kỳ vọng của thị trường là 1%. Diễn biến tích cực của kinh tế vĩ mô được hỗ trợ mạnh mẽ từ CSTT trong việc đưa thanh khoản vào thị trường, cắt

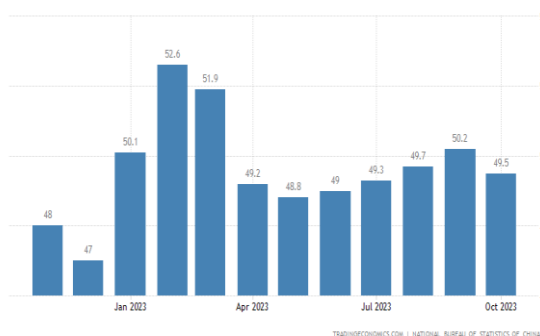
giảm lãi suất hỗ trợ khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp bất động sản và khu vực thương mại.

Mặc dù vậy, các điểm sáng đáng chú ý của kinh tế vẫn chưa xuất hiện trong tháng đầu của quý IV, mức độ cải thiện trong cả khu vực sản xuất và dịch vụ đều giảm so với tháng trước. Cụ thể, chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất do Tổng cục thống kê Trung Quốc công bố đã quay trở lại ngưỡng thu hẹp, từ mức 50,2 của tháng trước xuống mức 49,5 điểm. Diễn biến thiếu tích cực này bị ảnh hưởng chủ yếu từ đơn đặt hàng mới, hoạt động mua hàng và việc làm suy giảm. Trong khi đó, chỉ số PMI trong lĩnh vực phi sản xuất cũng giảm khoảng 1 điểm xuống mức 50,6 điểm trong tháng 10. Bên cạnh đó, hoạt động tiêu dùng đang có xu hướng giảm trở lại khi doanh thu bán lẻ theo số liệu mới nhất chỉ tăng rất nhẹ ở mức 0,02% so với tháng trước.

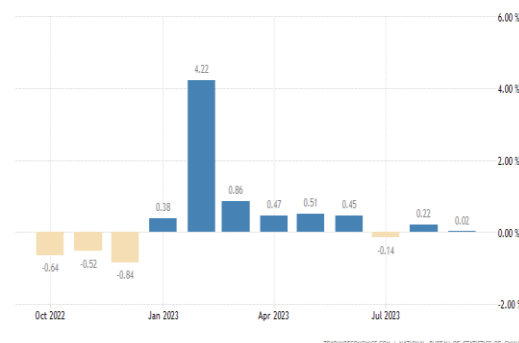
Số liệu thống kê mới nhất cho thấy thặng dư thương mại của Trung Quốc đã cao hơn kỳ vọng của thị trường, đạt 77,71 tỷ USD. Trong đó, hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu đã giảm ở cùng tốc độ là 6,2% do nhu cầu trong nước và quốc tế giảm kéo dài.

Chỉ số giá tiêu dùng của Trung Quốc trong tháng 10 đã giảm trở lại ở mức 0,2% so với cùng kỳ sau 02 tháng tăng nhẹ.

**Chỉ số PMI sản xuất**



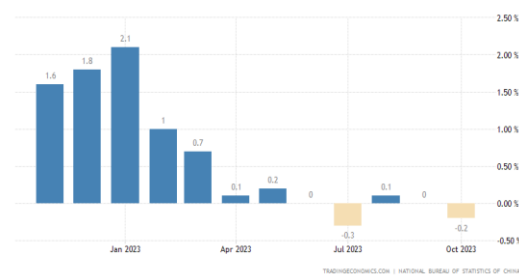
**Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)**



**Cán cân thương mại qua các tháng (so với cùng kỳ)**



**Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)**



Nguồn: Trading economics

**Giá cả hàng hóa toàn cầu có xu hướng giảm là chủ yếu**

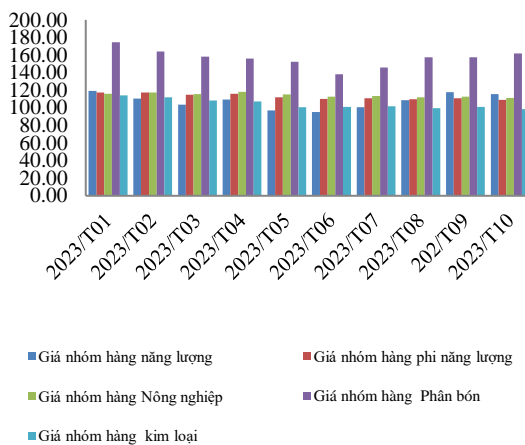
Trong tháng 10, theo thống kê của WB, chỉ số giá cả hàng hóa trên toàn cầu đã có xu hướng giảm là chủ yếu, ngoại trừ giá của nhóm hàng phân bón với các diễn biến cụ thể như sau:

+ Trong nhóm hàng năng lượng, chỉ số giá bình quân đã giảm nhẹ 1,8% do giá bình quân của nhóm hàng than đá giảm hơn 12% và giá dầu bình quân giảm

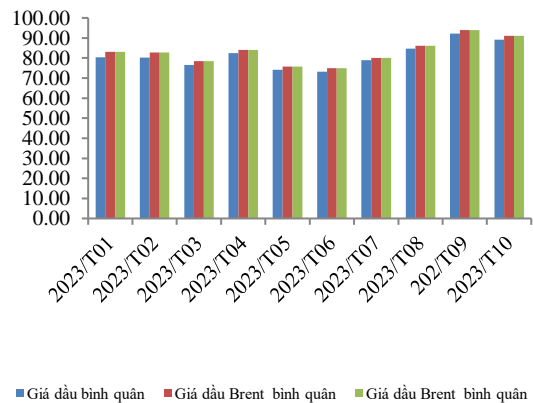
khoảng 3,4%. Tuy nhiên giá khí hóa lỏng vẫn tiếp tục tăng trên các thị trường giao dịch. Diễn biến giá dầu trong tháng đã có nhiều ngày giao dịch tăng mạnh xuất hiện trong khoảng 3 tuần giao dịch đầu tháng trước những tác động bất ổn tại khu vực Trung Đông. Tuy nhiên diễn biến này đã đảo chiều trong 10 ngày giao dịch cuối tháng trước thêm cuộc họp chính sách của các nước lớn và nỗ lực của Mỹ và Châu Âu trong việc xoa dịu căng thẳng giữa các bên tại dải Gaza. Theo đó, giá dầu Brent và WTI bình quân trên các thị trường đã giảm lần lượt là 3.13% và 4,5%. Kết thúc tháng 10, giá dầu Brent và WTI giao ngay trên thị trường ở mức 86,5 và 82,05 USD/thùng.

+ Trong nhóm hàng phi năng lượng, chỉ số giá cả giao dịch bình quân đã giảm khoảng 2%, xu hướng giảm đã xuất hiện tại hầu hết các nhóm hàng nông nghiệp, kim loại và khoáng, lần lượt là 1% và 3%. Tuy nhiên diễn biến tăng vẫn xuất hiện tại nhóm hàng phân bón và thực phẩm khác, tăng tương ứng là 2 và 3%. Bên cạnh đó, chỉ số giá giao dịch bình quân của nhóm hàng kim loại sản xuất đã giảm 2,7%, chủ yếu do đà giảm của giá chì và nicken đã giảm 5,3% và 6,9%. Tiếp đến giá kim loại quý cũng ghi nhận xu hướng giảm nhẹ 0,5%, ghi nhận diễn biến giảm của bạch kim và bạc.

**Diễn biến chỉ số giá hàng hóa chung**



**Diễn biến giá dầu bình quân**



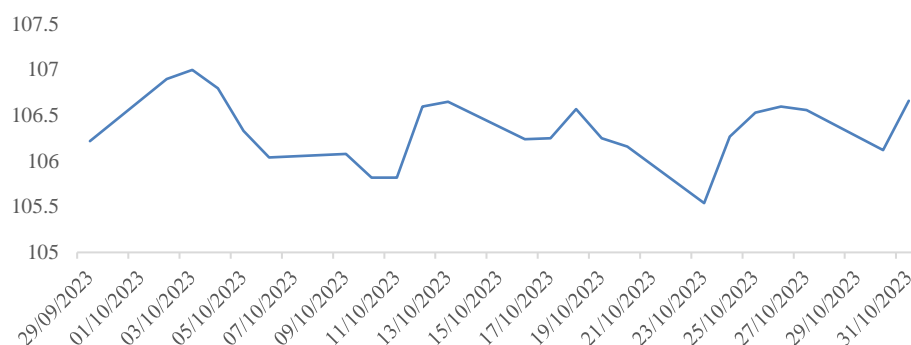
Nguồn: worldbank.org

## 2. Diễn biến thị trường ngoại hối

**Đồng USD tiếp tục tăng giá tháng thứ ba liên tiếp**

Tháng 10 tiếp tục chứng kiến xu hướng tăng của đồng USD trên thị trường giao dịch quốc tế, chỉ số USD giao ngay đã tăng 0,64% - tăng thấp hơn đáng kể so với mức tăng trên 2% của tháng trước nhưng đà tăng đã được duy trì trong 03 tháng liên tiếp. Đồng USD có diễn biến tăng giảm đan xen, biến động tăng giao động từ 0,01 – 0,75%/ngày giao dịch, với mức giá giao dịch phổ biến là 105 – 106. Tuy nhiên trong tháng, đồng bạc xanh cũng đã có phiên giao dịch vượt qua ngưỡng giá cao 107. Sức mạnh của đồng USD được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố, trong đó, nổi bật là diễn biến kinh tế vĩ mô tích cực, nhu cầu đầu tư cao. Kết thúc tháng 10, chỉ số USD index giao ngay và kỳ hạn chót giao dịch ở mức 106,49 và 106,1.

Diễn biến chỉ số USD Index



Nguồn: investing.com

**Đồng EUR và đồng GBP đã có kết quả trái chiều**

Tại khu vực Châu Âu, đồng EUR và đồng GBP về cơ bản vẫn chịu tác động từ đà tăng của đồng bạc xanh trên thị trường, tuy nhiên kết thúc tháng, đồng EUR đã tăng rất nhẹ so với đồng USD, ở mức 0,06% trong khi đồng GBP tiếp tục chuỗi giảm trong 03 tháng liên tiếp ở mức 0,37%. Trong đó, diễn biến kinh tế tiếp tục xấu đi cả trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ tại khu vực Châu Âu, đặc biệt là kết quả suy giảm của kinh tế trong quý II và những rủi ro về giá cả mặt hàng năng lượng đã cản trở đà tăng của đồng EUR, mức tăng nhẹ của đồng tiền này trong tháng chủ yếu được nâng đỡ bởi biên độ tăng khá tốt khi đồng USD giảm giá trên thị trường, biến động tăng trong khoảng 0,13 – 0,71%/ngày giao dịch. Trong khi đó, các động lực hỗ trợ cho đồng GBP gần như không xuất hiện, tăng trưởng kinh tế yếu đi, lạm phát dai dẳng, nguy cơ suy thoái cao, tài khóa và các cân cân thương mại và đầu tư đều có tín hiệu thiếu tích cực, đồng GBP có diễn biến giảm giao động từ 0,02 – 0,72%/ngày giao dịch trong tháng. Kết thúc tháng 10, cặp tỷ giá GBP/USD chốt giao dịch ở mức 1.2152 và cặp tỷ giá EUR/USD chốt giao dịch ở mức 1.0576.

Bên cạnh đó, trước sức mạnh của đồng bạc xanh, đồng AUD và đồng CAD tiếp tục giảm so với đồng USD trong 03 tháng liên tiếp. Cụ thể, trong tháng 10, đồng AUD đã giảm 1,53% - sự chuyển biến chậm chạp của nền kinh tế và quyết định giữ nguyên lãi suất điều hành của NHTW Úc đã ảnh hưởng đến đà giảm của đồng AUD. Bên cạnh đó, đồng CAD cũng giảm 2,2% so với đô la Mỹ trước những tín hiệu xấu đi của kinh tế khi lãi suất tăng và giá cả hàng hóa đang suy yếu. Kết thúc tháng 10, cặp tỷ giá AUD/USD chốt giao dịch ở mức 0.6336 và cặp tỷ giá USD/CAD chốt giao dịch ở mức 1.3874.

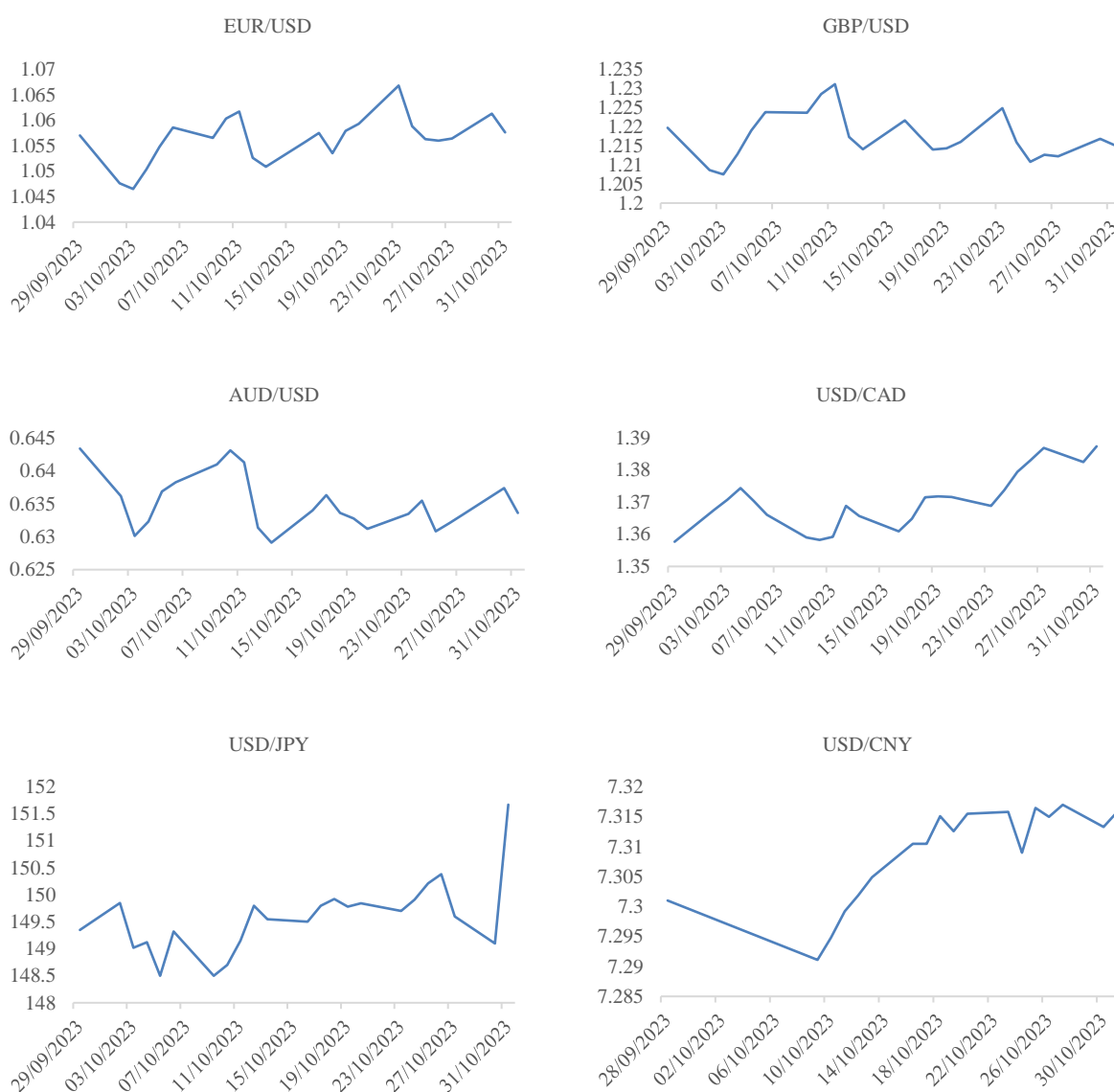
**Đồng JPY và đồng CNY tiếp tục giảm giá so với đồng USD**

Trong tháng 10, đồng JPY và đồng CNY tiếp tục giảm so với đồng USD – kéo dài xu hướng giảm trong 03 tháng liên tiếp mặc dù mức giảm là thấp nhất. Theo đó, đồng JPY đã giảm khoảng 1,6% so với đồng USD, diễn biến giảm bao trùm trong tháng với 02 lần xác định mức giá giao dịch trên 150 xuất hiện vào đầu tháng và 10 ngày giao dịch cuối tháng, hình thành xu hướng ổn định từ ngày 25/10. Đồng JPY tiếp tục suy yếu trước sức mạnh của đồng USD, những tác động bất ổn từ bên ngoài và việc duy trì CSTT ôn

hòa của NHTW Nhật Bản. Đồng JPY đã giảm mạnh 1,72% vào ngày cuối cùng của tháng 10 trước quyết định không có thay đổi đáng kể của BOJ.

Bên cạnh đó, đồng CNY cũng đã giảm 0,2% so với đồng USD – mức giảm thấp nhất kể từ đầu năm. Diễn biến giảm của đồng CNY biến động trong biên độ 0,03 - 0,1%/ngày giao dịch, chỉ ghi nhận 05 ngày giao dịch tăng trong tháng. Bên cạnh những tác động từ diễn biến của đồng USD trên thị trường quốc tế, diễn biến kinh tế chưa có tín hiệu tích cực và những khó khăn nội tại chưa được giải quyết tiếp tục ảnh hưởng đến xu hướng của đồng CNY. Kết thúc tháng, cặp tỷ giá USD/CNY và cặp tỷ giá USD/JPY chốt giao dịch lần lượt ở mức 7.3158 và 151.67.

#### Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh



Nguồn: [investing.com](https://www.investing.com)

#### Diễn biến thị trường vàng

Giá  
vàng

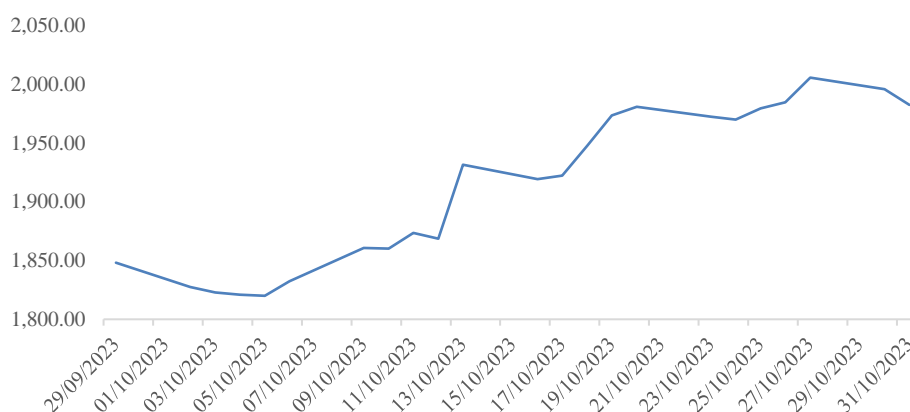
Tháng 10 đã chứng kiến diễn biến tăng mạnh của giá vàng sau xu hướng giảm



tăng  
mạnh  
trở lại  
sau 02  
tháng  
giảm  
liên tiếp

liên tục trong 02 tháng trước đó. Theo đó, giá vàng giao ngay và kỳ hạn đã tăng lần lượt là 7,3% và 6,87% - mức tăng cao thứ hai kể từ đầu năm. Sức mạnh của vàng được hỗ trợ mạnh mẽ bởi nhu cầu đầu tư trú ẩn khi bất ổn gia tăng. Trong tháng, giá vàng đã có 03 ngày giao dịch tăng hơn 1% và đặc biệt giá vàng đã tăng 3,37% vào ngày 13/10 khi tình hình chiến sự tại giải Gaza trở nên nghiêm trọng, có ảnh hưởng lan rộng. Mặc dù các tín hiệu lạm phát tại các nền kinh tế lớn đã cản bớt đà tăng của giá vàng như quan ngại về các bất ổn, rủi ro địa chính trị khó có thể sớm chấm dứt nên giá vàng đã có lúc giao dịch cao trên 2.000 USD/ounce, xuất hiện từ ngày 27 – 31/10. Tuy nhiên kết thúc tháng 10, giá vàng giao ngay và kỳ hạn chốt giao dịch vào ngày cuối tháng lần lượt ở mức 1.982,7 USD/ounce và 1.994,3 USD/ounce.

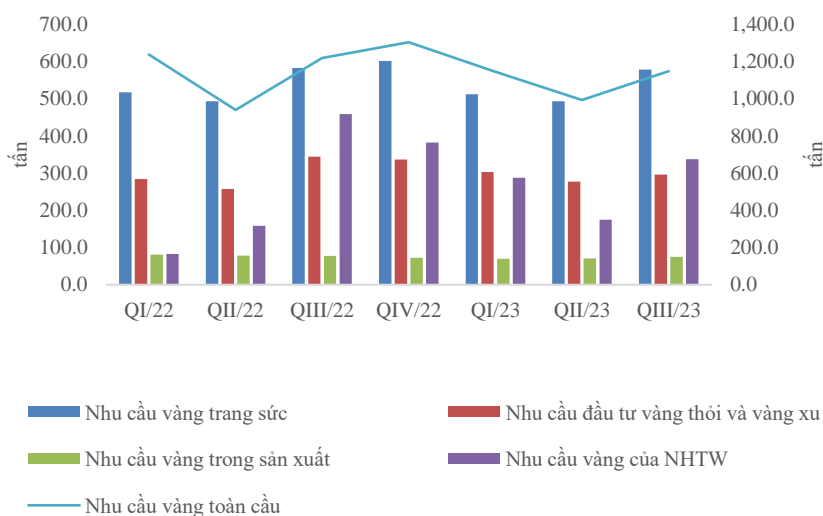
Diễn biến giá vàng thế giới



Nguồn: investing.com

Theo cáo cáo mới nhất của Hội đồng vàng thế giới, nhu cầu vàng toàn cầu đã giảm 6,6% so với cùng kỳ năm trước đạt 1.147 tấn (không tính giao dịch trên OTC và dòng tồn kho). Trong đó, diễn biến tích cực nhất trong quý là trạng thái mua ròng của NHTW đạt 800 tấn vàng, tăng 14% kể từ đầu năm.

Nhu cầu vàng thế giới theo quý (2022 – 2023)



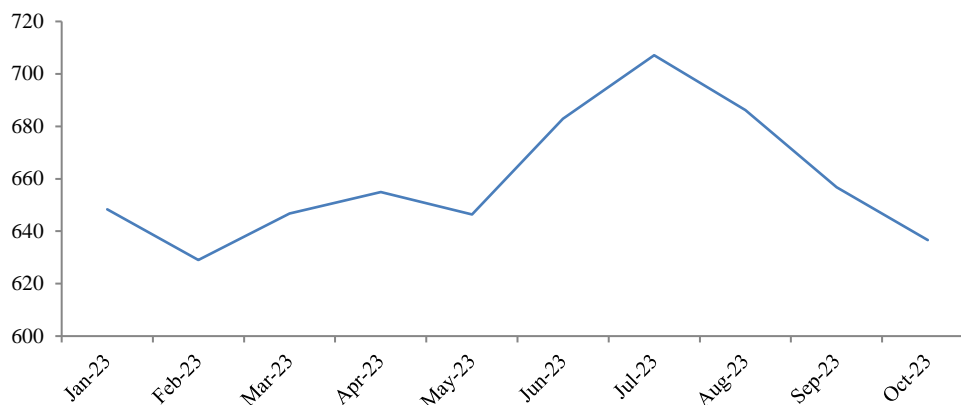
Nguồn: Hội đồng vàng thế giới

## Thị trường chứng khoán toàn cầu

Thị trường chứng khoán toàn cầu tiếp tục giảm điểm

Thị trường chứng khoán toàn cầu suy yếu trong tháng 10, ghi nhận tháng giảm điểm thứ 3 liên tiếp. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 10, chỉ số MSCI ACWI giảm 3,07% xuống 636,66 điểm. Thị trường chứng khoán tại các khu vực đều có chung xu hướng giảm điểm.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI giai đoạn 1/2023 – 10/2023

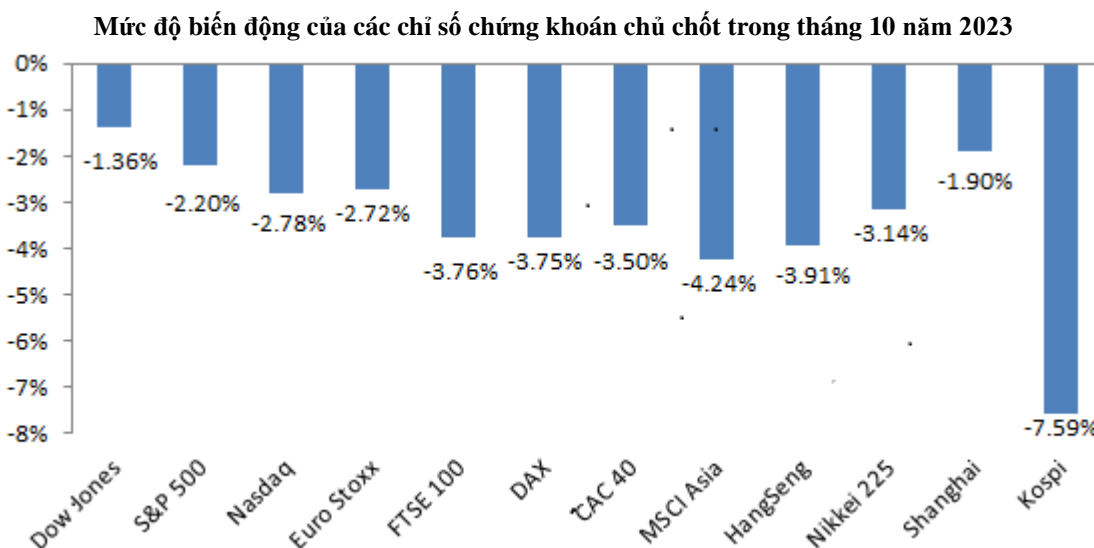


Nguồn: msci.com

Thị trường chứng khoán Mỹ diễn biến tiêu cực ở cả 3 chỉ số chính trước những lo ngại việc FED có thể tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ và những rủi ro địa chính trị ngày càng gia tăng. Mặc dù vậy, tốc độ giảm đã được thu hẹp so với tháng trước. Trong tháng 10, chỉ số Dow Jones giảm 1,36%, chỉ số S&P 500 giảm 2,2% và chỉ số công nghệ Nasdaq giảm 2,78%. Hầu hết các lĩnh vực đều giảm điểm, trong đó đáng chú ý là mức giảm của nhóm cổ phiếu năng lượng và cổ phiếu hàng tiêu dùng.

Thị trường chứng khoán Châu Âu kết thúc tháng 10 trong sắc đỏ trong bối cảnh bất ổn gia tăng và kinh tế khu vực chưa có được tín hiệu tích cực. Đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của tháng 10, chỉ số Euro Stoxx giảm 2,72% so với tháng trước, chỉ số CAC 40 của Pháp giảm 3,50%, chỉ số DAX của Đức giảm 3,75% và chỉ số FSTE 100 của Anh giảm 3,76%. Nhiều lĩnh vực ghi nhận mức sụt giảm mạnh, trong đó nhóm cổ phiếu lĩnh vực chăm sóc sức khỏe hoạt động yếu nhất. Mặc dù vậy, một số lĩnh vực trú ẩn an toàn truyền thống như tiện ích và hàng tiêu dùng thiết yếu cũng có được mức tăng khiêm tốn.

Thị trường chứng khoán châu Á cũng không tránh khỏi xu hướng giảm trong tháng 10, chỉ số MSCI Châu Á – Thái Bình Dương chốt tháng giảm 4,24% so với tháng trước. Hiện tượng bán tháo diễn ra diện rộng, tất cả các thị trường chủ chốt trong khu vực đều có diễn biến giảm. Chỉ số Kospi của Hàn Quốc dẫn đầu đà giảm ở mức 7,59%, theo sau là chỉ số HangSeng của Hồng Kông giảm 3,91%, chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản giảm 3,14% và chỉ số Shanghai của Trung Quốc giảm 1,9%.



Nguồn: Bloomberg

## KINH TẾ TRONG NƯỚC

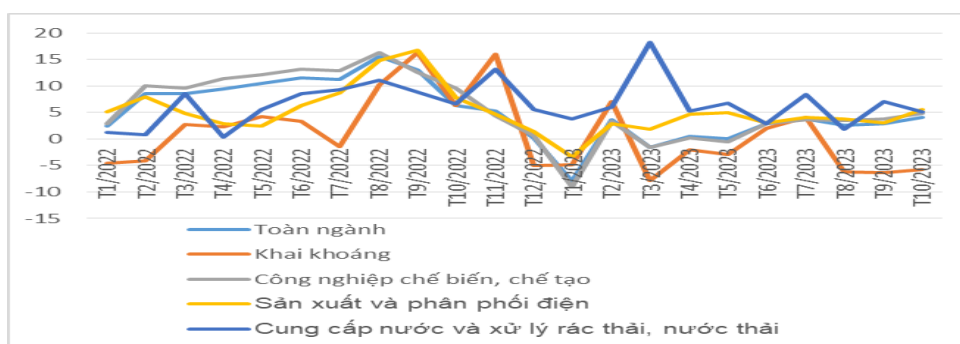
### 1. Tăng trưởng kinh tế

Sản xuất công nghiệp tiếp tục có diễn biến tích cực

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp - IIP tháng 10/2023 ước tăng 5,5% so với tháng trước và tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,6%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,2% và ngành khai khoáng giảm 5,7%. Trong đó, chỉ số IIP đã tăng ở mức 02 con số tại Hà Tĩnh và Bắc Giang cùng tăng 22,7%, tiếp đến là Phú Thọ tăng 16%; Hải Phòng tăng 15,5%; Long An tăng 12,4%; Quảng Ninh tăng 12% ở mức 26,4% so với tháng trước.

Tính chung 10 tháng, IIP ước tính tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước – mức tăng thấp nhất trong 05 năm trở lại đây, thấp hơn nhiều so với mức tăng 8,9% của cùng kỳ năm 2022. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 0,5% - cùng kỳ năm 2022 tăng 9,5%, đóng góp 0,7 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,6%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 3,2%, làm giảm 0,5 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Diễn biến IIP so với cùng kỳ (%)



Nguồn: TCTK

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành trọng điểm có chỉ số sản xuất 10 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước như Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 9,5%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 9,1%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 8,7%; khai thác quặng kim loại tăng 6,3%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 6,1%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 5,9%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 5,3%. Ở chiều ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành như Sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 7,3%; sản xuất xe có động cơ giảm 4,1%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 4%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 3,7%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 2,7%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tét, bện giảm 2,5%.

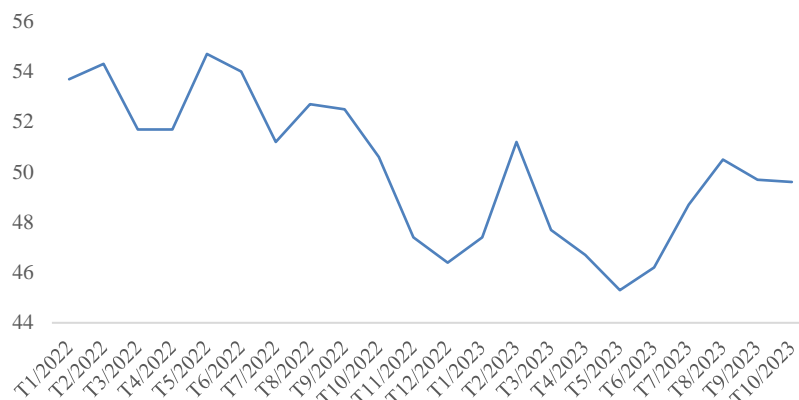
Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/10/2023 tăng 1% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 1,4% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước không đổi và giảm 0,9%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,6% và giảm 2,8%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,2% và giảm 0,9%.

*Các điều kiện sản xuất chưa có tín hiệu mở rộng*

Trong tháng 10/2023, chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam tiếp tục giảm so với tháng trước giảm nhẹ từ 49,7 điểm xuống 49,6 điểm với các diễn biến cụ thể như sau:

- + Số lượng đơn đặt hàng mới đã tăng tháng thứ ba liên tiếp mặc dù tốc độ tăng trưởng còn rất khiêm tốn. Số lượng đơn hàng xuất khẩu mới cũng tăng chậm lại mặc dù vẫn tốt hơn mức tổng thể;
- + Sản lượng hàng hóa sản xuất tiếp tục giảm tháng thứ hai liên tiếp, tuy nhiên sản lượng chỉ giảm nhẹ;
- + Hoạt động mua hàng tiếp tục tăng, và đây là lần tăng thứ ba liên tiếp trong bối cảnh các công ty nỗ lực tăng dự trữ hàng hóa đầu vào để đáp ứng nhu cầu sản xuất được dự kiến tăng;
- + Tồn kho hàng thành phẩm cũng giảm khi các nhà sản xuất đã sử dụng hàng tồn kho để đáp ứng các đơn hàng mới thay vì tăng sản lượng;
- + Việc làm hầu như không thay đổi – kết thúc kỳ giảm việc làm kéo dài 07 tháng. Nhiều mẫu khảo sát cho thấy việc làm đã tăng trở lại nhằm đáp ứng số đơn đặt hàng mới tăng và tâm lý lạc quan về triển vọng kinh tế trong thời gian tới;
- + Chi phí đầu vào và giá cả đầu ra tăng nhanh hơn, chủ yếu do tác động tăng của giá dầu và tỷ giá.

## Diễn biến chỉ số PMI



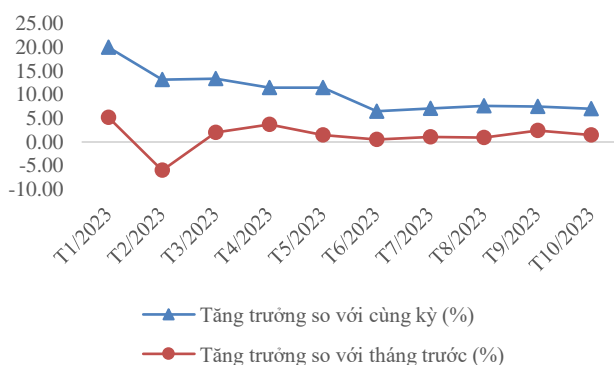
Nguồn: Nikkei

**Tổng mức bán lẻ hàng hóa tiếp tục duy trì xu hướng tốt**

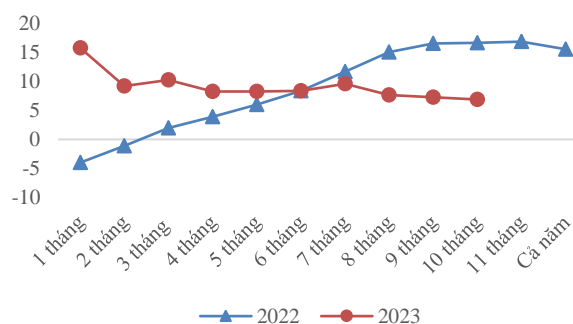
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 10 ước đạt 536,3 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 412,9 nghìn tỷ đồng, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 59,7 nghìn tỷ đồng, tăng 14,9%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,7 nghìn tỷ đồng, tăng 51,4% và cuối cùng là doanh thu dịch vụ khác đạt 60 nghìn tỷ đồng, tăng 0,2%.

Tính chung 10 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 5105,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước – thấp hơn so với mức tăng 20,8% của cùng kỳ năm 2022. Nếu loại trừ yếu tố giá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 6,9%<sup>1</sup>. Cụ thể, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt ước đạt 3.988,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 78,1% tổng mức và tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước, loại trừ yếu tố giá tăng 6,8%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 555,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,9% tổng mức và tăng 15%; doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt ước đạt 30,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,6% tổng mức và tăng 47,6%. Cuối cùng, doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 530,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,4% tổng mức và tăng 10,4%.

**Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)**



**Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (so với cùng kỳ)**



Nguồn: TCTK

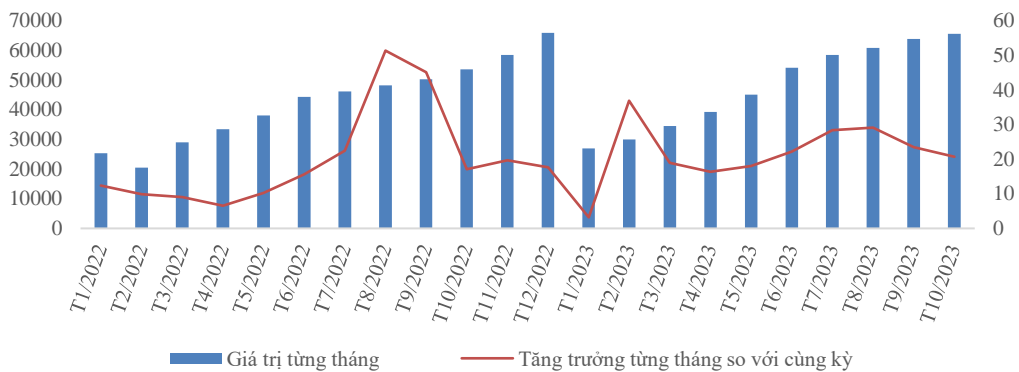
<sup>1</sup> Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 10 tháng năm 2022 loại trừ yếu tố giá tăng 16,7%

**Giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh**

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 10 ước tính đạt 65,7 nghìn tỷ đồng, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn Trung ương quản lý đạt 11,8 nghìn tỷ đồng, tăng 21%; vốn địa phương quản lý đạt 53,9 nghìn tỷ đồng, tăng 20,6%.

Tính chung 10 tháng, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt hơn 479,3 nghìn tỷ đồng, bằng 65,8% kế hoạch năm và tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước<sup>2</sup>. Trong đó, vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý ước đạt 87,8 nghìn tỷ đồng, bằng 65,9% kế hoạch năm và tăng 26,6% so với cùng kỳ năm trước; vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý ước đạt 391,5 nghìn tỷ đồng, bằng 65,8% kế hoạch năm và tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước.

**Diễn biến vốn đầu tư từ NSNN**



Nguồn: TCTK

**Tổng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng tốt**

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/10/2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 25,76 tỷ USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, vốn đăng ký cấp mới đã có 2608 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 15,29 tỷ USD, tăng 66,1% về số dự án và tăng 54% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký điều chỉnh có 1051 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm 5,33 tỷ USD, giảm 39% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 2.836 lượt với tổng giá trị góp vốn 5,13 tỷ USD, tăng 35,4% so cùng kỳ năm trước.

Trong số 68 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 10 tháng vừa qua, Hồng Kông là nhà đầu tư lớn nhất với 3,1 tỷ USD, chiếm 20,3% tổng vốn đăng ký mới; tiếp đến là Singapore với 3,09 tỷ USD, chiếm 20,2%; Trung Quốc với 2,51 tỷ USD, chiếm 16,5%; Đài Loan là 2 tỷ USD, chiếm 13,1%; Hàn Quốc là 1,67 tỷ USD, chiếm 10,9%;

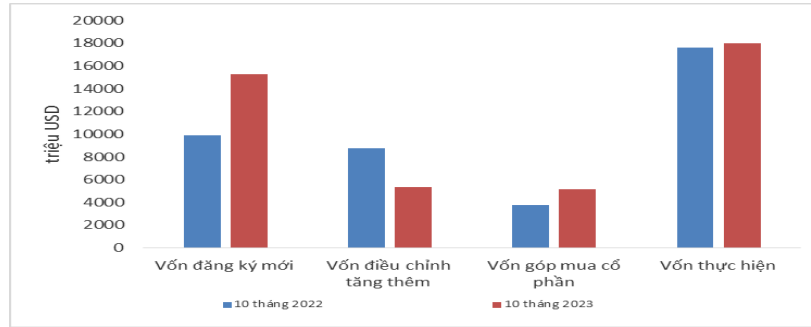
<sup>2</sup> Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 10 tháng năm 2022 bằng 65,1% và tăng 21,1%

Nhật Bản là 725,4 triệu USD, chiếm 4,7%;

**Vốn thực tiếp tăng**  
**FDI hiện tục**

Trong 10 tháng, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện ước tính đạt 18 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 14,81 tỷ USD, chiếm 82,3% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 1,1 tỷ USD, chiếm 6,6%; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 860,5 triệu USD, chiếm 4,8%.

**Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam 10 tháng 2022 và 10 tháng 2023**



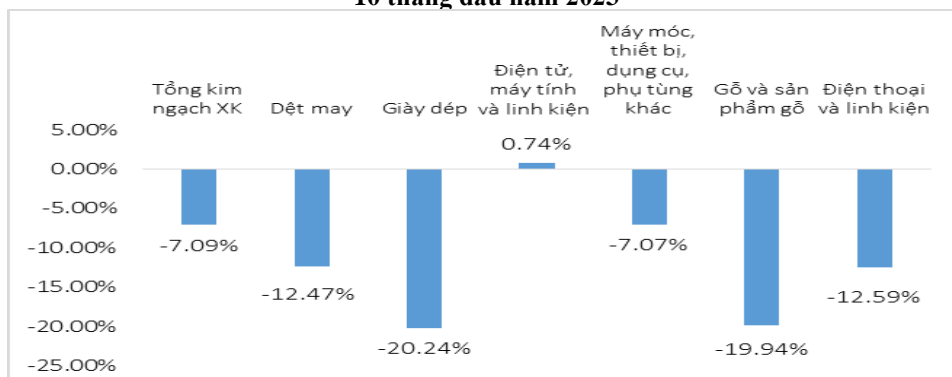
Nguồn: TCTK

**Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tiếp tục tăng so với tháng trước**

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 10/2023 ước đạt 32,31 tỷ USD, tăng 5,3% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 8,49 tỷ USD, tăng 5,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 23,82 tỷ USD, tăng 5,2%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 10 tăng 5,9%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 15,1%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 3%.

Tính chung 10 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 291,28 tỷ USD, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 77,09 tỷ USD, giảm 4,1%, chiếm 26,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 214,19 tỷ USD, giảm 8,1%, chiếm 73,5%. Trong kim ngạch xuất khẩu, có 33 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,9% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 07 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66,2%). Đồng thời, trong 10 tháng ghi nhận mức sụt giảm của nhiều nhóm hàng có giá trị lớn với mức giảm giao động từ 7,09% - 20,24%.

**Diễn biến kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng 10 tháng đầu năm 2023**

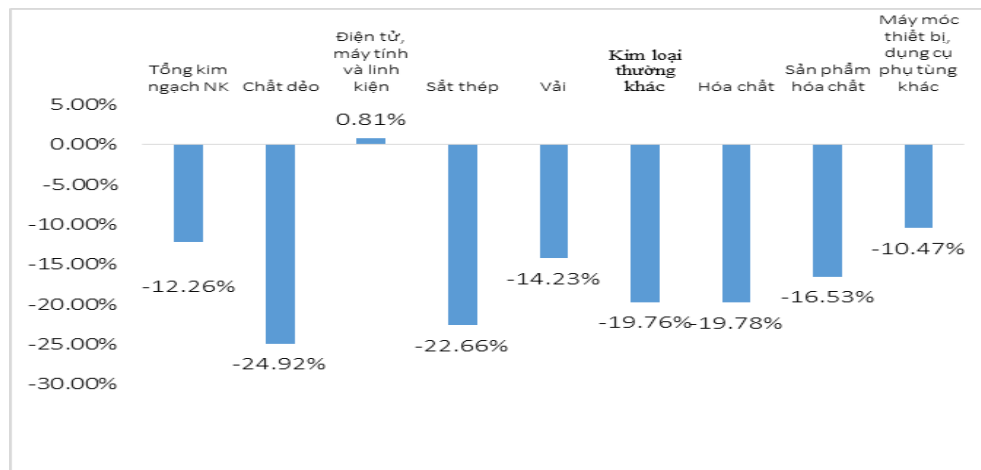


Nguồn: TCTK

Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 10/2023 ước đạt ước đạt 29,31 tỷ USD, tăng 2,9% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 10,36 tỷ USD, tăng 3,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 18,95 tỷ USD, tăng 2,4%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Mười tăng 5,2%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 8,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 3,5%.

Tính chung 10 tháng năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 266,67 tỷ USD, giảm 12,26% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 95,08 tỷ USD, giảm 10,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 171,59 tỷ USD, giảm 13,3%. Trong kim ngạch nhập khẩu, có 41 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 91,4% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 03 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 43,4%).

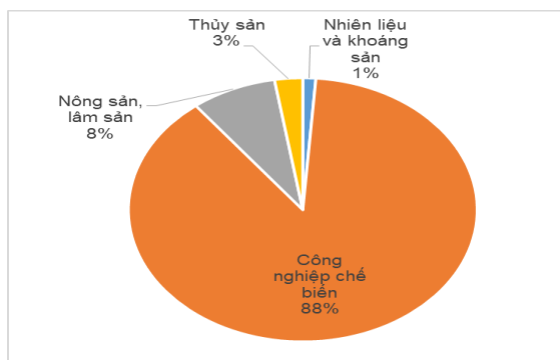
**Diễn biến kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng 10 tháng đầu năm 2023**



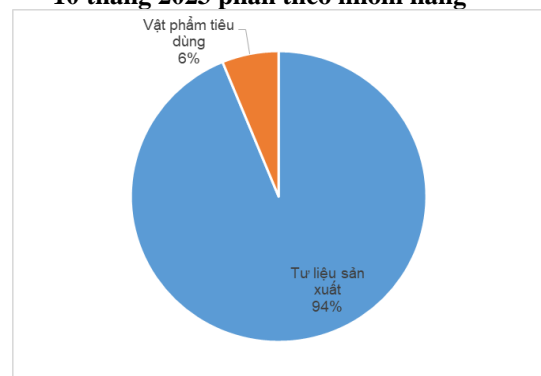
Nguồn: TCTK

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 10 tháng năm 2023, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 78,6 tỷ USD. Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 89,8 tỷ USD.

**Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 10 tháng 2023 phân theo nhóm hàng**

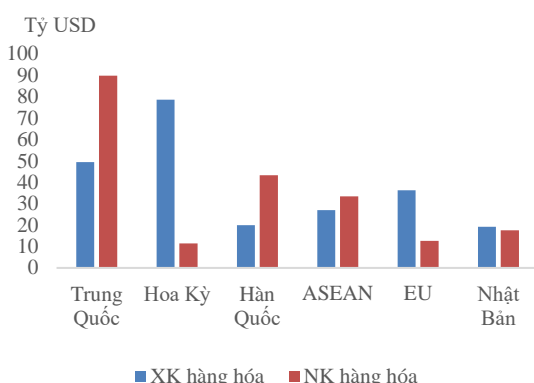


**Cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 10 tháng 2023 phân theo nhóm hàng**

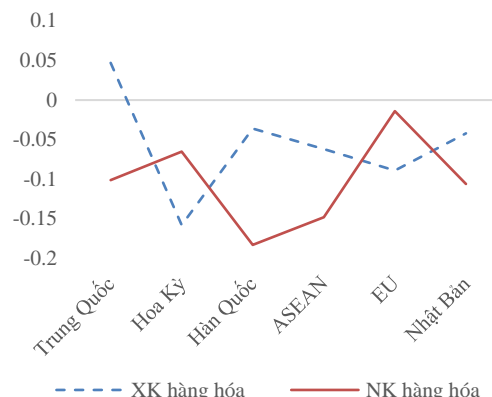




**Kim ngạch XNK hàng hóa sang thị trường các nước, khối nước trong 10 tháng 2023**



**Tốc độ tăng trưởng XNK hàng hóa so với cùng kỳ năm trước trong 8 tháng 2023**

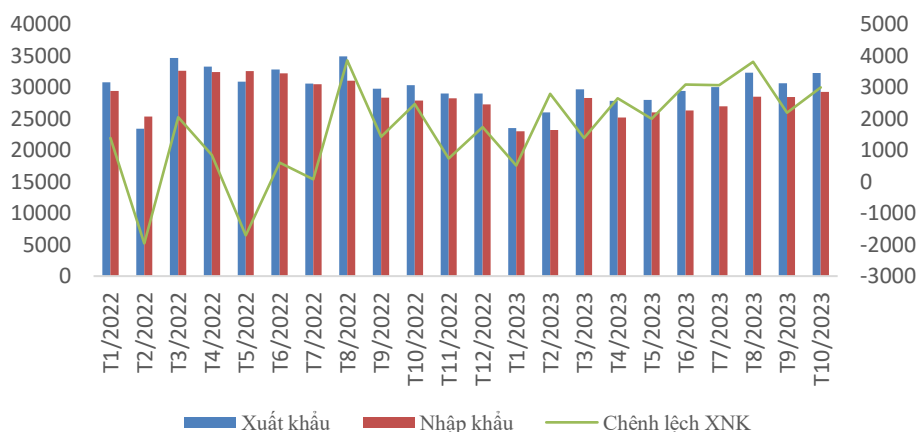


Nguồn: TCTK

**Cán cân thương mại tiếp tục thặng dư**

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 10 ước tính xuất siêu 3 tỷ USD. Tính chung 10 tháng năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 24,61 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 9,56 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 17,99 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 42,6 tỷ USD.

**Diễn biến XK, NK và cán cân thương mại theo tháng (2022 – 2023)**



Nguồn: TCTK

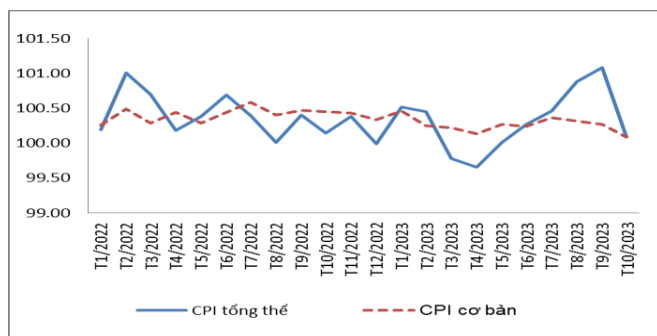
## 2. Lạm phát

**Chỉ số giá tiêu dùng tăng nhẹ**

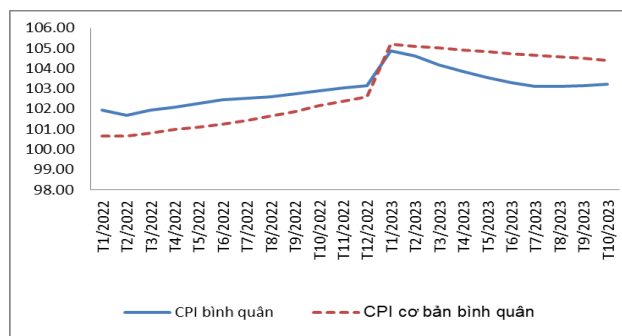
Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10/2023 tăng 0,08% so với tháng trước, tăng 3,59% so với cùng kỳ năm trước, CPI bình quân 10 tháng tăng 3,2% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Diễn biến tăng của CPI trong tháng 10 chủ yếu là do giá gạo trong nước tăng theo giá thế giới, giá nhóm hàng dịch vụ giáo dục tăng (điều chỉnh tăng giá học phí).

Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản tháng 10/2023 tăng 0,09% so với tháng trước, tăng 3,43% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,38% so với cùng kỳ năm 2022.

CPI so với tháng trước (%)



CPI bình quân so với cùng kỳ (%)



Nguồn: TCTK

Trong tháng 10, có 09/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có chỉ số giá tăng so với tháng trước, cụ thể như sau:

- Nhóm giáo dục tăng với 2,25% - làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm, trong đó chủ yếu là do giá dịch vụ giáo dục tăng 2,54% do một số địa phương<sup>3</sup> thực hiện tăng học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và một số trường đại học, cao đẳng công lập, dân lập, tư thục cũng tăng học phí năm học 2023-2024 để bảo đảm chi thường xuyên.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,27% - làm CPI chung tăng 0,05 điểm phần trăm, chủ yếu do giá gas tăng 4,72%; giá nước sinh hoạt tăng 0,48%; giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,29%.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,21%, tập trung chủ yếu ở mặt hàng chăm sóc cơ thể tăng 0,22%; đồ trang sức tăng 0,64%; đồng hồ đeo tay tăng 0,53%; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 0,49%; dịch vụ về hỉ tăng 0,51%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,15% do giá nguyên liệu sản xuất đồ uống và tỷ giá đô la Mỹ tăng. Cụ thể, giá rượu bia tăng 0,2%; nước quả ép tăng 0,17%; nước giải khát có ga tăng 0,05% và thuốc hút tăng 0,04%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,12% do chi phí nhân công và nhu cầu mua sắm quần áo mùa đông tăng. Trong đó, giá vải các loại và mũ nón cùng tăng 0,16%; giày dép tăng 0,14%; quần áo may sẵn tăng 0,1%; dịch vụ may mặc tăng 0,26%; dịch vụ sửa chữa giày dép tăng 0,48%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,06%, trong đó: lương thực tăng 0,9%<sup>4</sup>, chủ yếu là giá gạo tăng; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,21%<sup>5</sup>.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,03%, tập trung chủ yếu ở các mặt hàng như: giá thiết bị gia đình có động cơ tăng 0,38%; ổn áp điện tăng 0,13%;

<sup>3</sup> Một số địa phương có chỉ số giá dịch vụ giáo dục tháng 10/2023 tăng cao so với tháng trước: Lai Châu tăng 57,94%; Ninh Thuận tăng 41,54%; Cao Bằng tăng 40,42%; Nam Định tăng 28,67%; Bắc Ninh tăng 8,12%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 7,68%; Trà Vinh tăng 7,67%.

<sup>4</sup> Chỉ số nhóm gạo tăng 1,14% (Gạo tẻ thường tăng 1,26%; gạo tẻ ngon tăng 0,84% và gạo nếp tăng 0,36%). Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu do nhu cầu tại các thị trường châu Á và châu Phi tăng lên. Bên cạnh đó, giá các mặt hàng lương thực chế biến và ngũ cốc khác tăng như giá khoai tăng 2,2%; ngô tăng 0,23%; bún, bánh phở, bánh đa tăng 0,66%; bột mì tăng 0,29%; miến tăng 0,17%; mỳ sợi, mỳ, phở, cháo ăn liền tăng 0,15%; bột ngô tăng 0,54%.

<sup>5</sup> Chỉ số giá ăn ngoài gia đình tăng 0,21% so với tháng trước; uống ngoài gia đình tăng 0,38% và đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,05%.

máy xay sinh tố, ép hoa quả tăng 0,55%; nồi cơm điện tăng 0,11%; lò vi sóng tăng 0,36%; tủ các loại tăng 0,24%; đệm tăng 0,11%; sữa chữa ti vi tăng 0,36%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,02% do sách báo tạp chí các loại tăng 0,06%, hoa, cây cảnh vật cảnh tăng 0,91%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02% tăng chủ yếu ở nhóm thuốc chống dị ứng và các trường hợp quá mẫn và nhóm thuốc giảm đau; thuốc hạ sốt; chống viêm không steroid và thuốc điều trị gút và các bệnh xương.

Trong khi đó, CPI nhóm bưu chính viễn thông tiếp tục giảm 0,11% do nhóm thiết bị điện thoại giảm 0,31%; và nhóm giao thông giảm 1,51% - làm CPI chung giảm 0,15 điểm phần trăm, chủ yếu do: Giá xăng giảm 4,59%; giá dầu diesel giảm 0,73% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước<sup>6</sup>.

**Một số VBPL chính sách quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong tháng 10 năm 2023**

**Công văn số 6787/BCT-TTTN ngày 02/10/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu**

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 695 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 906 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giữ nguyên so với giá bán lẻ hiện hành; Dầu hỏa: giữ nguyên so với giá bán lẻ hiện hành; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 395 đồng/kg.

**Công văn số 7075/BCT-TTTN ngày 11/10/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu**

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 1.595 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 1.184 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 1.352 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 374 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 1.214 đồng/kg.

**Công văn số 7378/BCT-TTTN ngày 23/10/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu**

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 458 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 469 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 79 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 289 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 375 đồng/kg.

### **3. Thu chi ngân sách Nhà nước**

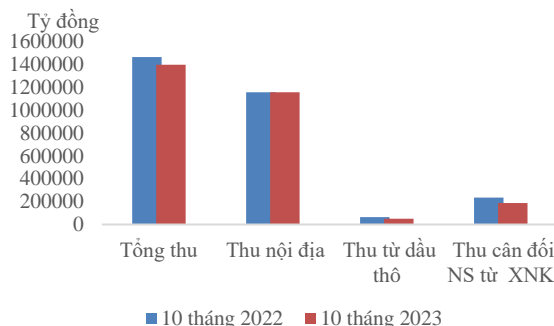
Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 10/2023 ước đạt 169,5 nghìn tỷ đồng. Tính chung 10 tháng năm 2023, tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 1.398,7 nghìn tỷ đồng, bằng 86,3% dự toán năm và giảm 9,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nội địa đạt 1157,7 nghìn tỷ đồng, bằng 86,8% dự toán năm và giảm 5,9% so với cùng kỳ năm trước; thu từ dầu thô đạt 51,4 nghìn tỷ đồng, bằng 122,3% và giảm 19,8%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 188,8 nghìn tỷ đồng, bằng 79% và giảm 21,9%.

Trong khi đó, tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 10/2023 ước đạt 118 nghìn tỷ đồng. Tính chung 10 tháng ước đạt 1.357,6 nghìn tỷ đồng, bằng 52,1% dự

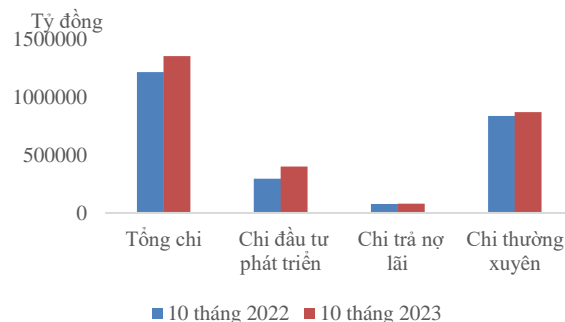
<sup>6</sup> Điều chỉnh giá xăng dầu trong nước vào ngày 02/10/2023, 11/10/2023 và 23/10/2023

toán năm và tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên đạt 873,3 nghìn tỷ đồng, bằng 74,5% dự toán năm và tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 401,9 nghìn tỷ đồng, bằng 55,3% và tăng 35%; chi trả nợ lãi 80 nghìn tỷ đồng, bằng 77,8% và tăng 3,3%.

**Thu NSNN 10 tháng 2022 và 10 tháng 2023**



**Chi NSNN 10 tháng 2022 và 10 tháng 2023**

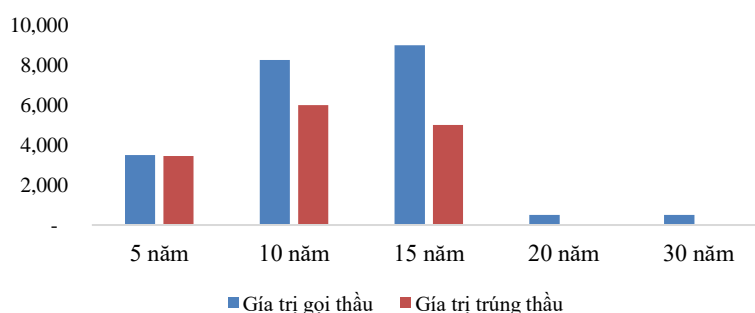


Nguồn: TCTK

Tháng 10/2023, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 14.475 tỷ đồng trái phiếu chính phủ. Trái phiếu chính phủ do Kho bạc Nhà nước phát hành nhiều nhất tại kỳ hạn 10 năm và 15 năm với tỷ trọng là 41,45% và 34,54% tổng khối lượng phát hành trong tháng.

Bên cạnh đó, lãi suất trái phiếu cũng có xu hướng tăng trong tháng 10, cụ thể là lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 năm tăng nhẹ các phiên đầu tháng sau đó giảm tại phiên cuối tháng và lãi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm, 15 năm đều tăng 0,06 điểm phần trăm so với tháng trước. Tại thời điểm cuối tháng, lãi suất huy động kỳ hạn 5 năm, 10 năm, 15 năm và 30 năm lần lượt là 1,62%; 2,42%; 2,65% và 3,05%/năm.

**Giá trị trúng thầu và gọi thầu qua các kỳ hạn trong tháng 10 năm 2023**



Nguồn: hmx.vn

**Một số VBPL chính sách quan trọng về quản lý ngân sách, vốn được ban hành trong tháng 10 năm 2023**

**Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023 về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương và giao mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương**

**Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 08/10/2023 về việc bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2023 cho các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long thực hiện dự án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển**

Theo đó, bổ sung 4.000 tỷ đồng từ nguồn dự phòng NSTW năm 2023 cho các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long để bố trí cho các dự án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển khu vực đồng bằng sông Cửu Long, gồm: Long An 250 tỷ đồng, Tiền Giang 200 tỷ đồng, Bến Tre 300 tỷ đồng, Trà Vinh 200 tỷ đồng, Vĩnh Long 500 tỷ đồng, Cần Thơ 250 tỷ đồng, Hậu Giang 200 tỷ đồng; Sóc Trăng 300 tỷ đồng, An Giang 250 tỷ đồng, Đồng Tháp 250 tỷ đồng, Kiên Giang 500 tỷ đồng, Bạc Liêu 300 tỷ đồng, Cà Mau 500 tỷ đồng.

**Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 27/10/2023 về việc phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương**

Thông nhất báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội các nội dung như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 8796/BKHĐT-TH ngày 5/10/2023.

Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vốn nước ngoài, vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, vốn của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

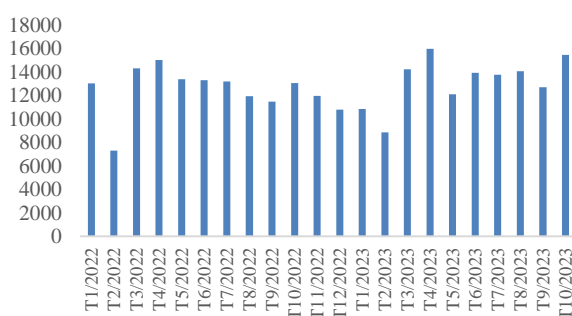
**Nghị quyết số 170/NQ-CP ngày 18/10/2023 về việc điều chỉnh dự toán vốn vay lại năm 2023 của các địa phương**

#### 4. Tình hình doanh nghiệp

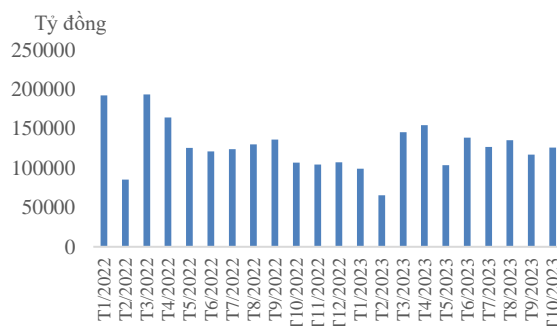
Trong tháng 10, cả nước có hơn 15,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 125,8 nghìn tỷ đồng, tăng 21,7% về số doanh nghiệp, tăng 7,4% về vốn đăng ký so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, số doanh nghiệp tăng 18,5% và số vốn đăng ký tăng 17,7%. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 8,2 tỷ đồng, giảm 11,7% so với tháng trước và giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trên cả nước còn có gần 5,6 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 3,1% so với tháng trước và tăng 44,2% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 10 tháng năm 2023, cả nước có 131,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1212,6 nghìn tỷ đồng, tăng 4,7% về số doanh nghiệp, giảm 12,1% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 9,2 tỷ đồng, giảm 16,1% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 51,9 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm trước.

**Số doanh nghiệp thành lập mới**



**Vốn đăng ký kinh doanh mới**

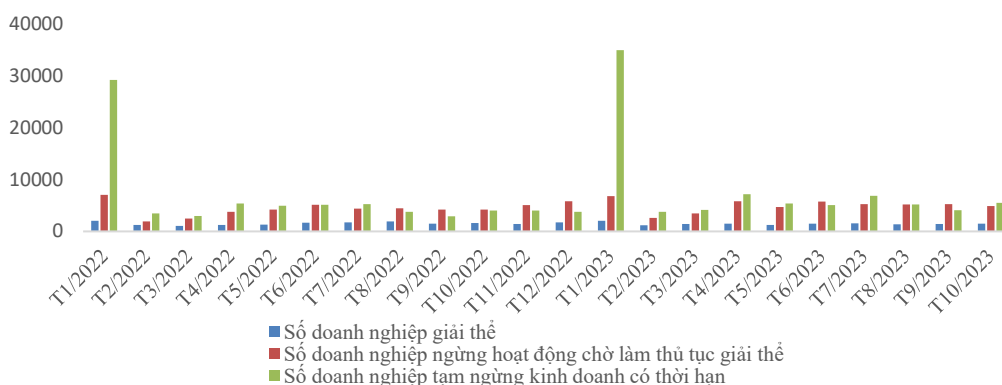


Nguồn: TCTK

Trong tháng 10, trên cả nước có 5.501 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 33,4% so với tháng trước và tăng 35,6% so với cùng kỳ năm 2022; có 4.898 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 7,1% và tăng 16,6%; có 1.501 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 4,2% và giảm 6,3%.

Tính chung 10 tháng năm 2023, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 81 nghìn doanh nghiệp, tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước; 50,7 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 25,9%; 14,7 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 4,5%. Bình quân một tháng có 14,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

**Tình hình giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn**



Nguồn: TCTK

**Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng được ban hành trong tháng 10 năm 2023**

**Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 18/10/2023 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

- Bỏ 02 thành phần hồ sơ của Thủ tục Cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư số, cụ thể là:
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc giấy tờ có giá trị tương đương;
  - Văn bản xác nhận chức danh của người đề nghị cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư số.
- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục Cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư số từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc, nhằm đảm bảo tính cấp thiết, kịp thời trong việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Bỏ 03 thành phần hồ sơ của Thủ tục hủy mã ngân hàng như sau:
  - Bản chụp Quyết định sáp nhập, hợp nhất của đơn vị được hủy mã ngân hàng;
  - Bản chụp Quyết định chấm dứt hoạt động của đơn vị được hủy mã ngân hàng;
  - Bản chụp Quyết định về việc giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động của đơn vị được hủy mã ngân hàng.

**Thông tư số 12/2023/TT-NHNN ngày 12/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc triển khai nhiệm vụ quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước**

Theo đó, Cục Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước thông báo bằng văn bản cho Vụ Quản lý ngoại hối, Vụ Tài chính - Kế toán, Sở Giao dịch và Cục Phát hành và Kho quỹ về kết quả giao dịch mua, bán

vàng miếng với từng tổ chức tín dụng, doanh nghiệp sau khi ký xác nhận giao dịch.

Vào cuối ngày ký xác nhận giao dịch và cuối ngày làm việc liền kề tiếp theo ngày ký xác nhận giao dịch, Cục Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước lập danh sách các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đã thanh toán đầy đủ tiền mua vàng miếng trong ngày và thông báo bằng văn bản cho Vụ Tài chính - Kế toán, Cục Phát hành và Kho quỹ để thực hiện thủ tục giao vàng miếng cho tổ chức tín dụng, doanh nghiệp.

**Thông tư số 13/2023/TT-NHNN ngày 31/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về cấp Giấy phép, tổ chức, hoạt động và hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

### III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

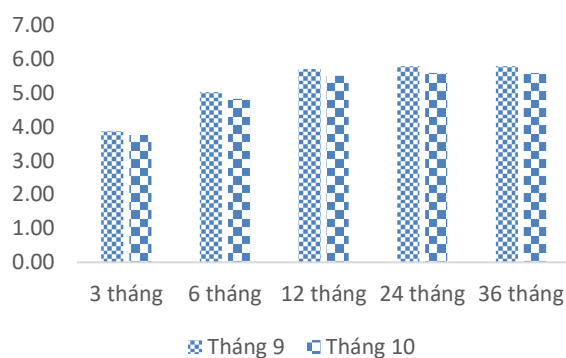
*Lãi suất  
huy động  
tiếp tục  
giảm*

Tháng 10/2023, lãi suất huy động trong nền kinh tế tiếp tục giảm trong toàn hệ thống với mức giảm bình quân giao động trong khoảng 0,11 – 0,2 điểm phần trăm trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước và giao động trong khoảng 0,14 – 0,31 điểm phần trăm trong khối NHTM CP.

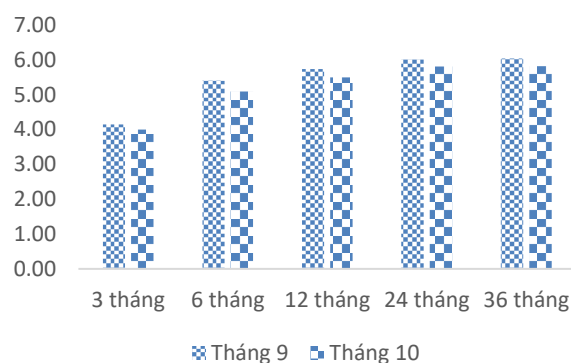
Trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước, mặt bằng lãi suất huy động có diễn biến đi ngang trong nhóm các ngân hàng TNHH MTV, diễn biến giảm xuất hiện trong nhóm Big4. Cụ thể ngân hàng BIDV, Argribank đã điều chỉnh giảm 0,2 điểm phần trăm ở tất cả các kỳ hạn huy động trong khi Vietcombank điều chỉnh giảm 0,4 điểm phần trăm. Kết thúc tháng lãi suất huy động các kỳ hạn ở nhóm các ngân hàng lớn niêm yết giao động trong khoảng 3,1 – 3,5%/năm đối với kỳ hạn huy động 3 tháng; 4,1 – 4,5%/năm đối với kỳ hạn huy động 6 tháng và 5,1 – 5,5%/năm đối với kỳ hạn huy động từ 12 tháng trở lên.

Trong khi đó, xu hướng điều chỉnh giảm lãi suất trong khối NHTM CP cũng đã diễn ra ở tất cả các ngân hàng khảo sát. Theo đó, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng đã giảm trong khoảng 0,1 – 0,65 điểm phần trăm; lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng trở lên đã giảm từ 0,1 – 0,7 điểm phần trăm. Trong tháng cũng xuất hiện điều chỉnh tăng nhẹ lãi suất huy động kỳ hạn 3, 6 tháng tại một số ít ngân hàng để đảm bảo phù hợp với mặt bằng chung. Kết thúc tháng 10, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng giao động trong khoảng 3,3% – 4,75%/năm, kỳ hạn 6 tháng từ 4,4% – 5,55%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên giao động từ 4,1% – 6,3%/năm.

**Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Nhà nước (%)**



**Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Cổ phần (%)**

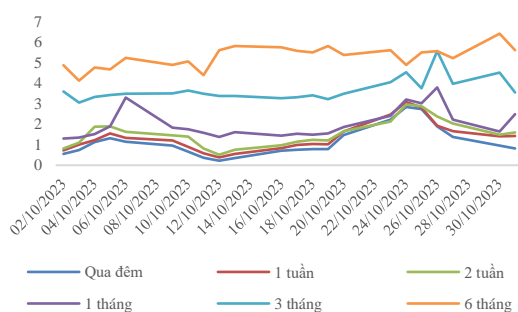


*Nguồn: tổng hợp*

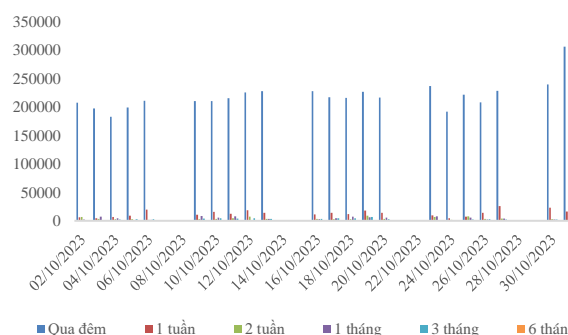
**Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng tăng ở các kỳ hạn ngắn**

Lãi suất liên ngân hàng về cơ bản có diễn biến tương đồng với tháng trước, xu hướng tăng tiếp tục xuất hiện ở các kỳ hạn ngắn qua đêm – 01 tháng, 06 tháng. Lãi suất có xu hướng tăng trong tuần giao dịch thứ nhất và thứ ba của tháng, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn đã tăng giao động trong khoảng 0,62 – 1,03 điểm phần trăm so với cuối tháng trước, trong đó tăng mạnh nhất thuộc về lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 01 tuần. Bên cạnh đó, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 01 tháng và 06 tháng cũng đã tăng lần lượt là 0,66 và 0,96 điểm phần trăm. Tuy nhiên trong tháng 10, thị trường đã ghi nhận diễn biến giảm của lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 3 và 9 tháng lần lượt là 0,11 và 0,3 điểm phần trăm. Tính đến cuối tháng 10, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn (qua đêm – 02 tuần) giao dịch lần lượt là 0,8%/năm; 1,43%/năm và 1,6%/năm; lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn từ 1 tháng trở lên giao dịch trong khoảng 2,48%/năm - 7,02%/năm.

**Diễn biến lãi suất liên ngân hàng (%)**



**Doanh số giao dịch liên ngân hàng (tỷ đồng)**



Nguồn: NHNN

**Tỷ giá giao dịch trong nền kinh tế có diễn biến phù hợp**

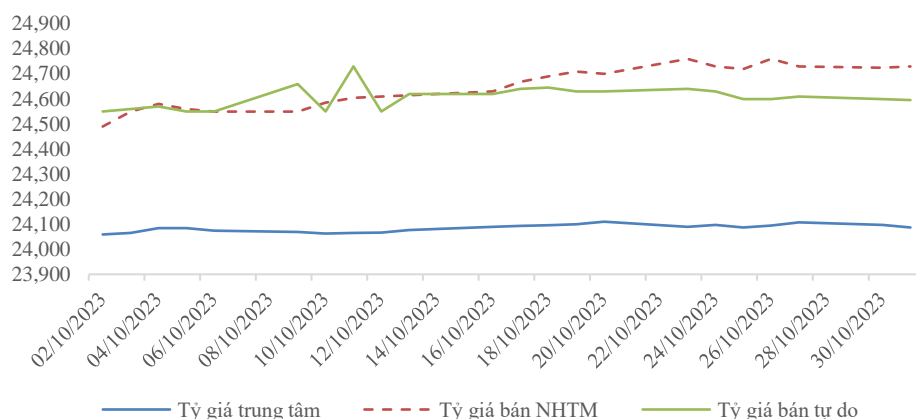
Trong tháng 10, tỷ giá USD/VND giao dịch trên thị trường về cơ bản phù hợp với xu hướng của đồng USD trên thị trường quốc tế. Kết thúc tháng 10, tỷ giá trung tâm đã được điều chỉnh giảm nhẹ 0,01% so với tháng trước, diễn biến giảm được điều chỉnh giao động trong khoảng 0,02 – 0,12%/ngày giao dịch. Mặc dù vậy, tỷ giá trung tâm cũng có nhiều ngày được điều chỉnh tăng liên tục, kéo dài nhất là chuỗi tăng từ ngày 11 – 20/10. Tính đến cuối tháng 10, tỷ giá trung tâm giao dịch ở mức 24.087 USD/VND vào cuối tháng. Trong khi đó, trên Sở giao dịch NHNN, tỷ giá mua tham khảo không đổi so với tháng trước, tỷ giá bán cũng giảm 0,01%. Kết thúc tháng 10, tỷ giá mua và bán tham khảo trên Sở giao dịch NHNN giao dịch ở mức 23.400 – 25.241 USD/VND (mua vào - bán ra).

Trên thị trường, tỷ giá giao dịch tại các NHTM và trên thị trường tự do tiếp tục tăng tháng thứ ba liên tiếp. Theo số liệu khảo sát của Vietcombank và Eximbank, tỷ giá giao dịch tiếp tục tăng ở cả hai chiều mua và bán, giao động tăng từ 1,06 - 1,12% so với tháng trước, vào thời điểm cuối tháng, tỷ giá giao dịch tại Vietcombank là 24.390 – 24.730 (mua vào – bán ra). Tỷ giá giao dịch của 02 ngân hàng khảo sát cũng có xu hướng tăng liên tục từ ngày 10 – 20/10 - diễn biến phù hợp với tỷ giá trung tâm. Trong khi đó, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do cũng duy trì được xu hướng tăng nhưng đã hạ nhiệt so với tháng trước và theo số liệu khảo sát, mức tăng chiều mua và chiều bán lần lượt là 0,8%



và 0,6% so với tháng trước. Tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do vào thời điểm khảo sát cuối tháng là 24.565 – 24.595 USD/VND (mua vào – bán ra), chênh lệch tỷ giá bán trên thị trường tự do so với tỷ giá bán của Vietcombank khoảng – 135 đồng.

**Diễn biến tỷ giá VND/USD**

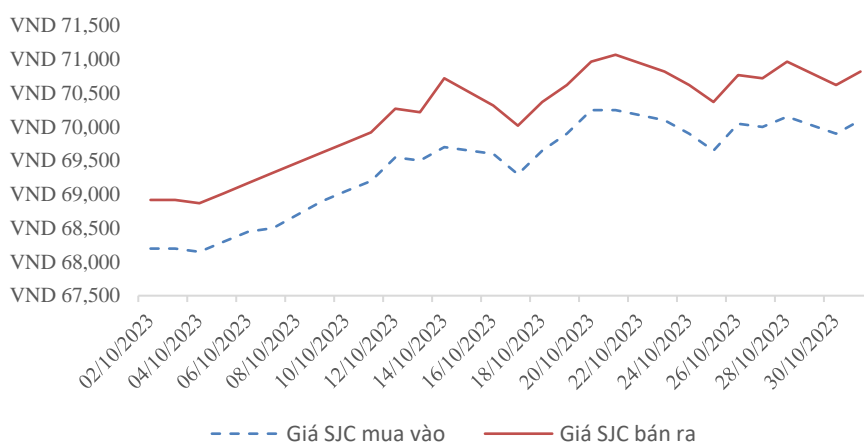


Nguồn: NHNN

**Giá vàng tăng theo giá vàng thế giới**

Tháng 10 ghi nhận biến động tăng mạnh của giá vàng SJC giao dịch trong nước so với tháng trước, giá vàng SJC theo dữ liệu khảo sát đã tăng lớn hơn 2,7% cả ở chiều mua vào – bán ra. Giá vàng có 02 chuỗi tăng liên tiếp, cụ thể trong chuỗi tăng từ ngày 5 - 12/10, giá vàng SJC đã thiết lập mức giá giao dịch cao trên 70 triệu đồng/lượng ở chiều bán ra và giá vàng SJC đồng loạt đạt ngưỡng giá cao này trong chuỗi tăng từ ngày 18 – 21/10. Mặc dù giá vàng trong nước đã chịu tác động nhất định từ xu hướng tăng của giá vàng thế giới nhưng biến động thấp hơn rất nhiều, giao động trong khoảng 0,07% - 0,71%/ngày giao dịch. Tính đến cuối tháng 10, giá vàng SJC đã cao hơn khoảng 1,7 – 1,8 triệu đồng so với cuối tháng trước. Kết thúc tháng 10, giá vàng SJC giao dịch ở thời điểm khảo sát là 70,10 – 70,82 triệu đồng/lượng đối với chiều mua vào – bán ra. Chênh lệch giá bán vàng trong nước và quốc tế khoảng hơn 11 triệu đồng/lượng.

**Diễn biến giá vàng trong nước**

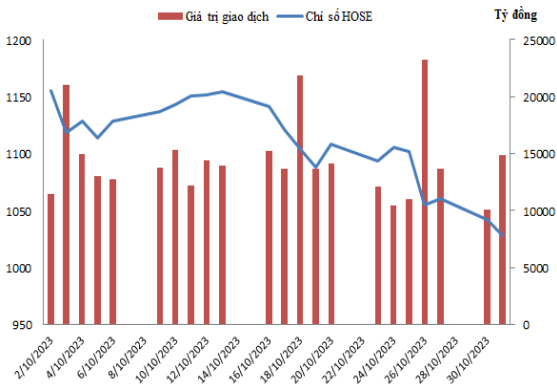


Nguồn: sjc.com.vn

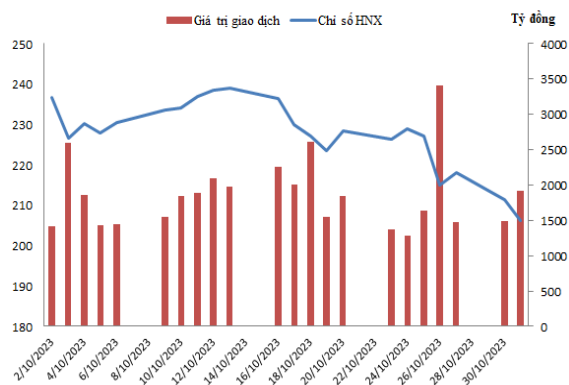
**Thị trường chứng khoán Việt Nam có tháng giảm điểm thứ 2 liên tiếp**

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục diễn biến tiêu cực trong tháng 10/2023, đà giảm duy trì trong phần lớn trong các phiên giao dịch, đặc biệt trong nửa cuối tháng 10. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 10/2023, chỉ số VN-Index đạt 1.075,47 điểm, giảm 10,91% so với tháng trước - ghi nhận mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 9/2022; chỉ số HNX-Index đạt 206,17 điểm, giảm 12,77% và chỉ số UPCoM-Index đạt 80,93 điểm, giảm 8,84%. Trong tháng, các chỉ số ngành trên sàn HOSE đều hoạt động kém hiệu quả, mức giảm mạnh nhất ghi nhận ở ngành hàng tiêu dùng (-20,22%); ngành năng lượng (-14,94%) và ngành hàng tiêu dùng thiết yếu (-14,30%),...

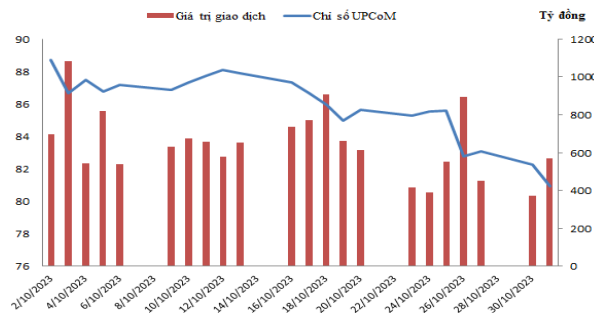
**Diễn biến chỉ số HOSE tháng 10 năm 2023**



**Diễn biến chỉ số HNX tháng 10 năm 2023**



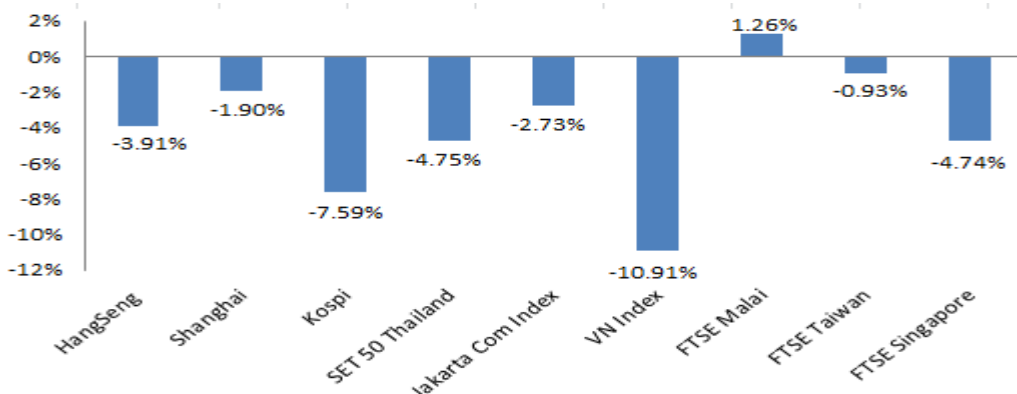
**Diễn biến chỉ số UPCOM tháng 10 năm 2023**



Nguồn: stockbiz.com

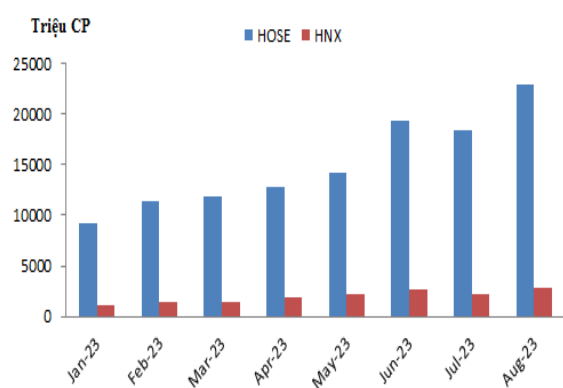
Với mức giảm lên đến 2 con số, Việt Nam trở thành là thị trường chứng khoán có diễn biến tiêu cực nhất trong khu vực.

**Mức biến động của một số chỉ số chủ chốt trong khu vực Châu Á tháng 10/2023**

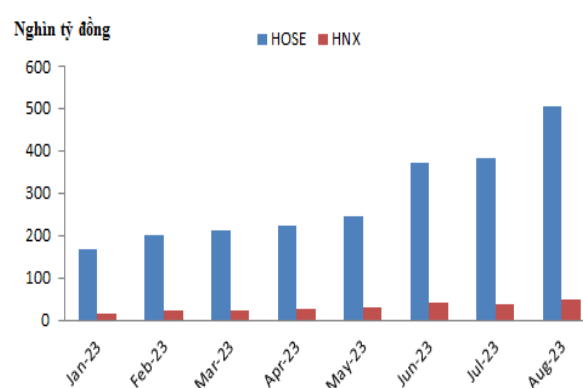


Thanh khoản thị trường cổ phiếu tháng 10 diễn biến âm ảm theo đà giảm của chỉ số. Tính chung trên cả 2 sàn giao dịch chính thức, tổng khối lượng giao dịch giảm 22,87% so với tháng trước xuống 15,88 tỷ cổ phiếu và tổng giá trị giao dịch giảm 26,96% xuống 355,1 nghìn tỷ đồng. Trong đó, trên sàn HOSE, khối lượng giao dịch đạt 13,77 tỷ cổ phiếu, giảm 25,11% và giá trị giao dịch đạt 314,16 nghìn tỷ đồng, giảm 29,0% so với tháng 9/2023. Trên sàn HNX, khối lượng giao dịch đạt 2,11 tỷ cổ phiếu với giá trị giao dịch đạt 40,94 nghìn tỷ đồng, tương ứng giảm 4,26% và 6,25%.

**Khối lượng giao dịch giai đoạn 1/2023 - 10/2023**



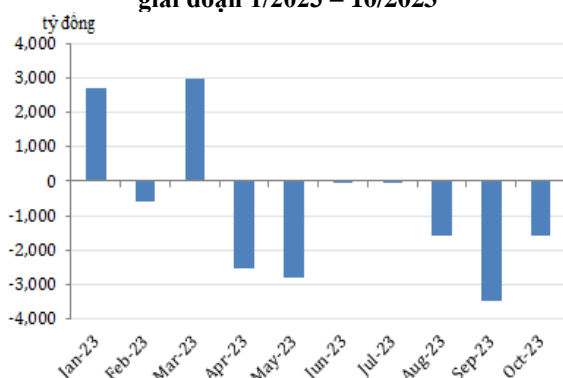
**Giá trị giao dịch giai đoạn 1/2023 - 10/2023**



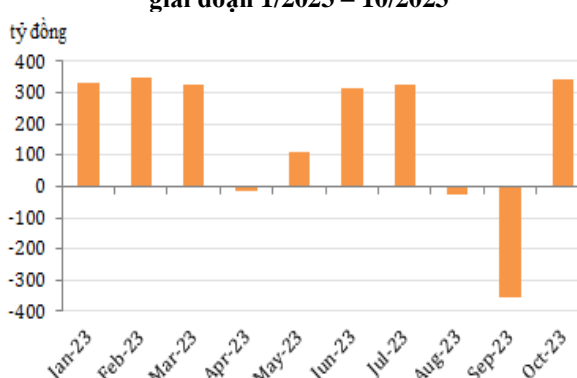
Nguồn: stockbiz.com

Trong tháng 10, khối ngoại có động thái trái chiều trên hai sàn giao dịch chính thức. Trên sàn HOSE, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng tháng thứ 7 liên tiếp với giá trị 1.594,13 tỷ đồng, tuy vậy, lượng bán ròng đã giảm 54,17% so với tháng trước. Trên sàn HNX, nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại mua ròng mạnh trong tháng 10 với giá trị 342,57 tỷ đồng sau khi bán ròng trong 2 tháng trước đó. Mặc dù vậy, tính chung trên 2 sàn giao dịch chính thức, khối ngoại vẫn bán ròng với tổng giá trị 1.251,56 tỷ đồng.

**Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HOSE giai đoạn 1/2023 - 10/2023**



**Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HNX giai đoạn 1/2023 - 10/2023**



Nguồn: stockbiz.com

Tại thời điểm 31/10/2023, giá trị vốn hóa niêm yết trên sàn HOSE đạt 4,14 triệu tỷ đồng, giảm 10,38% so với tháng trước, tương đương 43,53% GDP năm 2022.

